

Số: 28/2019/QĐST-HNGĐ

Tây Hòa, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc N – Trưởng phòng Kế hoạch, Kinh doanh, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện T - Theo văn bản ủy quyền số 05/GUQ-NHNoTH ngày 29/3/2019.

Địa chỉ: KP P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng P – Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tây Hòa. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2019.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/11/2005; Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/5/2008 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/01/2013 cho bị đơn anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn chị Đỗ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn chị Đỗ Thị D phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền vay là 12.071.014 đồng, trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/3/2019 là 71.014 đồng. Bị đơn anh Nguyễn Văn H phải cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T số tiền vay là 30.867.945 đồng, trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/3/2019 là 867.945 đồng

- Về án phí:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị D tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 603.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2015/0010578 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa. Nên chị D còn phải nộp 453.500 đồng (*Bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

Bị đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu 1.543.400 đồng (*Một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2015/0010805 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nguyên đơn, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện T.
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Phong

